

Số: /STNMT-MT
V/v yêu cầu thực hiện báo cáo tiến độ triển khai dự án và quan trắc môi trường định kỳ.

Điện Biên, ngày tháng năm 2021

Kính gửi: Ban QLDA các công trình giao thông tỉnh Điện Biên.

Dự án đường Na Sang (km146+200/QL.12) - Trung tâm xã Huổi Mí - Nậm Múc (km452+300/QL.6) - Thị trấn Tủa Chùa - Huổi Lóng, tỉnh Điện Biên do Ban QLDA các công trình giao thông tỉnh Điện Biên làm chủ đầu tư được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 26/12/2017. Theo đó, chủ dự án phải thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường định kỳ. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại, Sở Tài nguyên và Môi trường chưa nhận được báo cáo quan trắc, cũng như báo cáo tiến độ triển khai dự án.

Để đảm bảo các nội dung về bảo vệ môi trường theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Chủ dự án thực hiện một số nội dung sau:

1. Báo cáo tiến độ và kế hoạch tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày **30/8/2021** để tổng hợp, theo dõi.

2. Phối hợp với tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường để quan trắc, giám sát môi trường định kỳ của dự án đảm bảo đúng tần suất, vị trí, thông số quan trắc cam kết tại mục 5.2, chương 5 của Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh Điện Biên phê duyệt tại Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 26/12/2017.

3. Gửi báo cáo kết quả quan trắc định kỳ về Sở Tài nguyên và Môi trường chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt quan trắc theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 23 của Thông tư 43/2015/TT-BTNMT ngày 29/9/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường. (*Cấu trúc báo cáo quan trắc phụ lục 1 kèm theo*)

Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ban QLDA các công trình giao thông tỉnh Điện Biên triển khai thực hiện đảm bảo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu VT, CCBVMT.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thị Thanh phượng

PHỤ LỤC 1.

cấu trúc báo cáo quan trắc môi trường định kỳ

(Kèm theo văn bản số /BC-STNMT ngày / /2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN CẤP TRÊN

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN

BÁO CÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

VÙNG QUAN TRẮC.....

ĐỢT.....NĂM.....

Cơ quan chủ trì:

.....

(ĐỊA PHƯƠNG)....., THÁNG.....NĂM.....

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN CẤP TRÊN

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN

BÁO CÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
VÙNG QUAN TRẮC.....

Thời gian quan trắc: *Từ ngày... tháng... đến ...ngày.... tháng...*

Cơ quan chủ trì:

.....

*Phụ trách đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)*

(ĐỊA PHƯƠNG)....., THÁNG.....NĂM.....

MỤC LỤC

Danh mục từ viết tắt

Danh mục bảng biểu

Danh mục hình vẽ

Danh sách những người tham gia:

Người chịu trách nhiệm chính

Những người tham gia thực hiện

CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU

- Giới thiệu chung về nhiệm vụ quan trắc (căn cứ thực hiện, phạm vi nội dung các công việc, tần suất thực hiện, thời gian cần thực hiện).

- Giới thiệu hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ (Phụ lục 1); Sơ đồ công nghệ, hoạt động phát sinh chất thải (*).

(*) là phần nội dung chỉ dành cho báo cáo quan trắc của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ

- Đơn vị tham gia phối hợp (ghi rõ các chứng chỉ kèm theo: ISO, Vilas, VMCERT - giấy chứng nhận đủ điều kiện quan trắc.).

CHƯƠNG II. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

2.1. Tổng quan vị trí quan trắc

- Giới thiệu sơ lược phạm vi thực hiện của nhiệm vụ (địa bàn thực hiện quan trắc).
- Kiểu/loại quan trắc: quan trắc môi trường tác động/quan trắc môi trường nền/ quan trắc chất phát thải
- Giới thiệu sơ lược về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, địa điểm và vị trí thực hiện quan trắc.
- Bản đồ/ sơ đồ minh họa điểm quan trắc.

2.2. Danh mục các thông số quan trắc theo đợt

- Giới thiệu danh mục các thông số quan trắc trong đợt, trình bày thông số theo nhóm và thành phần môi trường.

Bảng 1. Danh mục thành phần, thông số quan trắc

STT	Nhóm thông số	Thông số
I.	Thành phần môi trường ...	
1	Nhóm thông số 1	
2	Nhóm thông số 2	
	
II.	Thành phần môi trường ...	
1	Nhóm thông số 1	
2	Nhóm thông số 2	
	

2.3. Danh mục thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm

- Nêu thông tin chung về thiết bị quan trắc và thiết bị phòng thí nghiệm.
- Tóm tắt thông tin về hoạt động hiệu chuẩn thiết bị.

Bảng 2. Thông tin về thiết bị quan trắc và phòng thí nghiệm

STT	Tên thiết bị	Model thiết bị	Hãng sản xuất	Tần suất hiệu chuẩn/ Thời gian hiệu chuẩn
I.	Thiết bị quan trắc			
1				
2				
II.	Thiết bị thí nghiệm			
1				
2				

2.4. Phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu

- Giới thiệu phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu
- Làm rõ các số hiệu tiêu chuẩn/quy chuẩn phương pháp lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu đối với từng thành phần môi trường, nêu rõ các đặc điểm, điều kiện, cách thức bảo quản vận chuyển đối với từng thông số.
- Đối với các thành phần môi trường có phương pháp lấy mẫu khác nhau cho từng thông số cần phải lập bảng 3.

Bảng 3. Phương pháp lấy mẫu hiện trường

STT	Thông số	Phương pháp lấy mẫu
I	Thành phần môi trường ...	
1	Thông số 1	
2	Thông số 2	
	
II	Thành phần môi trường ...	
1	Thông số 1	
2	Thông số 2	
	

2.5. Danh mục phương pháp đo tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm

Giới thiệu phương pháp đo tại hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm

Bảng 4. Phương pháp đo tại hiện trường

STT	Tên thông số	Phương pháp đo	Giới hạn phát hiện	Dải đo	Ghi chú
1	Thông số 1				
2	Thông số 2				
3				

Bảng 5. Phương pháp phân tích trong phòng thí nghiệm

STT	Tên thông số	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện	Giới hạn báo cáo	Ghi chú
1	Thông số 1				
2	Thông số 2				
3				

2.6. Mô tả địa điểm quan trắc

Mô tả vắn tắt về các địa điểm quan trắc.

Bảng 6. Danh mục điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Kiểu/loại quan trắc	Vị trí lấy mẫu		Mô tả điểm quan trắc
				Kinh độ	Vĩ độ	
I	Thành phần môi trường...					
1	Điểm quan trắc 1	Kí hiệu 1	Quan trắc môi trường nền	106°08.465'	21°12.881'	Điểm gần nhà máy A
2	Điểm quan trắc 2					Nút giao thông
3					
II	Thành phần môi trường...					
1	Điểm quan trắc 1					
2	Điểm quan trắc 2					
3					

Chú ý: - Tọa độ: theo VN 2000

- Mô tả điểm quan trắc: mô tả sơ bộ vị trí, mục đích, ý nghĩa của điểm quan trắc

2.7. Thông tin lấy mẫu

Giới thiệu sơ lược về điều kiện lấy mẫu tại hiện trường.

Bảng 7. Điều kiện lấy mẫu

STT	Ký hiệu mẫu	Ngày lấy mẫu	Giờ lấy mẫu	Đặc điểm thời tiết	Điều kiện lấy mẫu	Tên người lấy mẫu
I	Thành phần môi trường...					
1	Mẫu 1	12/03/2014	8h15	Trời nắng	Nước cạn	Nguyễn Văn A
2	Mẫu 2					
...	Mẫu ...					
II	Thành phần môi trường...					
1	Mẫu 1					
2	Mẫu 2					
...	Mẫu ...					

2.8. Công tác QA/QC trong quan trắc

2.8.1. QA/QC trong lập kế hoạch quan trắc

- Xác định mục tiêu, mục đích cần đạt được của chương trình quan trắc (vị trí, thông số, số lượng mẫu thực, mẫu QC, thiết bị lấy mẫu, chứa mẫu, điều kiện và cách thức bảo quản mẫu, thiết bị đo và phân tích tại hiện trường.)
- Các biện pháp an toàn con người, thiết bị.

2.8.2. QA/QC trong công tác chuẩn bị

Nêu tóm tắt công tác chuẩn bị, phân công cụ thể: về nhân lực, dụng cụ, thiết bị, hóa chất, phương pháp.

2.8.3. QA/QC tại hiện trường

- QA/QC trong lấy mẫu hiện trường
- QA/QC trong đo thử tại hiện trường
- QA/QC trong bảo quản và vận chuyển mẫu

2.8.4. QA/QC trong phòng thí nghiệm

- Tất cả các quá trình phân tích đều được kiểm soát theo một quy trình đã quy định tại SOP của mỗi phòng thí nghiệm.
- Việc tính toán, xử lý số liệu theo các tiêu chí thiết lập tại PTN và đã được hướng dẫn cụ thể trong mỗi SOP.
- Khi các tiêu chí đặt ra không đạt được, PTN sẽ rà soát lại, tìm ra nguyên nhân và đưa ra các biện pháp khắc phục, phòng ngừa đảm bảo đưa ra các kết quả thử nghiệm tin cậy.

2.8.5. Hiệu chuẩn thiết bị

- Thông tin về việc thực hiện hiệu chuẩn công tác
- Thông tin về việc thực hiện hiệu chuẩn định kỳ.

CHƯƠNG III. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Phần nhận xét đánh giá bao gồm các thông tin cơ bản như sau:

- Đánh giá về các số liệu và kết quả quan trắc của đợt theo từng khu vực và từng thành phần môi trường quy định trong chương trình quan trắc đã được phê duyệt so sánh với các QCVN và TCVN hiện hành. So sánh kết quả các điểm quan trắc môi trường nền và các điểm quan trắc tác động/các điểm quan trắc chất phát thải (nếu có).
- Vẽ biểu đồ và nhận xét sơ bộ về chất lượng môi trường theo không gian của từng thành phần môi trường (các biểu đồ có dạng cơ bản như dạng cột, dạng đường...).
- Thống kê các điểm quan trắc có thông số vượt quy chuẩn và các vấn đề bất thường nếu có (sơ bộ giải thích nguyên nhân).
- So sánh chất lượng môi trường cùng thời điểm của những năm trước và với các đợt quan trắc khác trong năm (nếu có).
- Khuyến khích đánh giá chất lượng môi trường nước mặt lục địa bằng chỉ số chất lượng môi trường nước WQI.

CHƯƠNG IV. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QA/QC ĐỢT QUAN TRẮC

4.1. Kết quả QA/QC hiện trường

- Thống kê số lượng mẫu thực và mẫu QC của đợt thực hiện quan trắc, so sánh kết quả phòng thí nghiệm và tính toán sai số theo công thức được lựa chọn (trình bày công thức áp dụng)...

- Nhận xét, đánh giá kết quả mẫu trắng hiện trường, mẫu trắng vận chuyển, mẫu đúp.

4.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm

Nhận xét, đánh giá kết quả phân tích các mẫu lập Phòng thí nghiệm, mẫu chuẩn thẩm tra, mẫu thêm chuẩn.

CHƯƠNG V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

- Đánh giá kết quả thực hiện đợt quan trắc về tiến độ và thời gian thực hiện, mức độ và kết quả áp dụng QA/QC trong quan trắc theo đúng quy định hiện hành.

- Nhận xét, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống, công trình xử lý nước thải, khí thải (*).

- Đánh giá chung về chất lượng môi trường theo từng thành phần quan trắc.

- Đánh giá chất lượng môi trường khu vực sản xuất và môi trường xung quanh (*).

- Nhận xét, đánh giá về các chất phát thải có đảm bảo QCVN và TCVN hiện hành hay không (*).

5.2. Các kiến nghị

Đề xuất các kiến nghị

PHỤ LỤC

- Phụ lục 1: Tổng hợp tình hình hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

- Phụ lục 2: Tổng hợp kết quả quan trắc đợt.

- Phụ lục 3: Phiếu trả kết quả phân tích mẫu, có dấu của đơn vị thực hiện quan trắc (đối với các đơn vị có thuê bên tư vấn thực hiện phân tích mẫu).

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Tổng hợp tình hình hoạt động của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ

1. Tên doanh nghiệp
2. Loại hình sản xuất chính
3. Diện tích (ha)
4. Tình trạng hệ thống xử lý khí thải
5. Tổng lượng nước thải (m³/năm)
6. Tình trạng lập báo cáo quan trắc môi trường

Phụ lục 2: Tổng hợp kết quả quan trắc đợt

(*) là phần nội dung chỉ dành cho báo cáo quan trắc của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ

(*) là phần nội dung chỉ dành cho báo cáo quan trắc của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ

Bảng PL2.1. Kết quả quan trắc thành phần môi trường nước mặt lục địa, nước biển, nước mưa, nước ngầm, nước thải, không khí xung quanh, khí thải, trầm tích, đất

STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Nhóm thông số 1			Nhóm thông số 2	
			Thông số	Thông số	Thông số	Thông số	Thông số
			Đơn vị đo	Đơn vị đo	Đơn vị đo	Đơn vị đo	Đơn vị đo
1	Ký hiệu điểm 1	Mẫu 01					
		Mẫu 02					
		Mẫu 03					
		Trung bình					
2	Ký hiệu điểm 2	Mẫu 01					
		Mẫu 02					
		Mẫu 03					
		Trung bình					
...							
Giá trị QCVN/TCVN hiện hành							

Ghi chú:

- Kết quả quan trắc theo từng thành phần môi trường được biểu diễn thành các bảng riêng
- Bảng có thể xoay dọc hoặc ngang tùy theo số lượng điểm/mẫu và thông số quan trắc.
- Trong trường hợp mỗi điểm chỉ lấy 1 mẫu thì không có giá trị trung bình.

Bảng PL2.2. Kết quả quan trắc tiếng ồn và cường độ xe

STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Giờ	Độ ồn (dBA)		Cường độ dòng xe (Chiếc)			
			LA _{eq}	LA _{max}	Xe máy/ Mô tô	Xe con < 12 chỗ	Xe tải, xe khách	Xe cực lớn > 10 bánh
1	Ký hiệu điểm 1							

2	Ký hiệu điểm 2							
3							
Giá trị QCVN/TCVN hiện hành								

Bảng PL2.3. Kết quả quan trắc thành phần môi trường phóng xạ

STT	Ký hiệu điểm quan trắc	Ký hiệu mẫu	Thông số 1		Thông số 2	
			Kết quả	Sai số	Kết quả	Sai số
			Đơn vị đo	Đơn vị đo	Đơn vị đo	Đơn vị đo
1	Ký hiệu điểm 1					
2	Ký hiệu điểm 2					
3	...					
Giá trị QCVN/TCVN hiện hành						

Bảng PL2.4. Kết quả quan trắc sinh vật

STT	Tên khoa học	Ký hiệu điểm 1		Ký hiệu điểm 2	
		Ký hiệu mẫu 1	Ký hiệu mẫu ...	Ký hiệu mẫu 1	Ký hiệu mẫu ...
1	Ngành				
2	Lớp				
3	Bộ				
4	Họ				
5	Loài				